VG PIPE

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC VGPIPE

Mã cổ phiếu: VGS

Được sửa đổi và Ban hành theo Nghị quyết số 01/2022/NQĐHĐCĐ-VGS ngày 16/4/2022 của ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VGPIPE

Vĩnh Phúc, tháng 8 năm 2022

MỤC LỤC

	PHẦN MỞ ĐẦU	**5**
CHƯƠNG I	**ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**	**5**
Điều 1	Định nghĩa	5
CHƯƠNG II	**TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH**	**6**
Điều 2	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại	6
Điều 3	Người đại diện theo Pháp luật của Công ty	7
CHƯƠNG III	**MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ**	**8**
Điều 4	Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 5	Phạm vi kinh doanh và hoạt động	9
CHƯƠNG IV	**VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN**	**10**
Điều 6	Vốn điều lệ, cổ phần	10
Điều 7	Cổ phiếu và Sổ đăng ký cổ đông	10
Điều 8	Chứng nhận chứng khoán khác	11
Điều 9	Chuyển nhượng cổ phần	12
CHƯƠNG V	**CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**	**12**
Điều 10	Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát	12
CHƯƠNG VI	**CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**	**13**
Điều 11	Quyền của cổ đông	13
Điều 12	Nghĩa vụ của cổ đông	14
Điều 13	Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 14	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 15	Triệu tập, chương trình họp và thông báo họp	18
Điều 16	Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 17	Thay đổi các quyền	20
Điều 18	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 19	Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội	21
Điều 20	Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 21	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông	24
Điều 22	Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 23	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 24	Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	27

CHƯƠNG VII	**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**	**27**
Điều 25	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 26	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 27	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	28
Điều 28	Thù lao thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị	31
Điều 29	Chủ tịch Hội đồng quản trị	31
Điều 30	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	32
Điều 31	Quyền được cung cấp thông	34
Điều 32	Người phụ trách quản trị Công ty	34
CHƯƠNG VIII	**TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**	**35**
Điều 33	Tổ chức bộ máy quản lý	35
Điều 34	Người điều hành Công ty	35
Điều 35	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn	35
Điều 36	Thư ký Công ty	36
CHƯƠNG IX	**QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY KHÁC.**	**37**
Điều 37	Quản lý điều hành thông qua các hình thức	37
Điều 38	Vốn do Công ty đầu tư vào các Doanh nghiệp khác	38
Điều 39	Quyền và nghĩa vụ của Công ty trong việc quản lý vốn	38
CHƯƠNG X	**TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT**	**39**
Điều 40	Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị	39
Điều 41	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	39
Điều 42	Giao dịch giữa Công ty mẹ với người liên quan	40
Điều 43	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	41
Điều 44	Quyền khởi kiện đối với thành viên HĐQT, TGĐ	41
CHƯƠNG XI	**BAN KIỂM SOÁT**	**42**
Điều 45	Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát	42
Điều 46	Thành viên Ban Kiểm soát	42
Điều 47	Trách nhiệm của Kiểm soát viên	42
Điều 48	Trưởng Ban Kiểm soát	43
Điều 49	Quyền và nghĩa vụ Ban Kiểm soát	43
Điều 50	Cuộc họp Ban Kiểm soát	44
Điều 51	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác	44

CHƯƠNG XII	**QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY....**	**45**
Điều 52	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	45
CHƯƠNG XIII	**CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....**	**46**
Điều 53	Công nhân viên và công đoàn.....	46
CHƯƠNG XIV	**PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....**	**46**
Điều 54	Phân phối lợi nhuận.....	46
Điều 55	Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	47
CHƯƠNG XV	**TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ.....**	**47**
Điều 56	Tài khoản ngân hàng.....	47
Điều 57	Trích lập quỹ.....	47
Điều 58	Năm tài chính.....	47
Điều 59	Hệ thống kế toán.....	48
CHƯƠNG XVI	**BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, ...**	**48**
Điều 60	Báo cáo hàng năm, bán niên và hàng quý.....	48
Điều 61	Báo cáo thường niên.....	48
Điều 62	Công bố thông tin.....	48
CHƯƠNG XVII	**KIỂM TOÁN CÔNG TY.....**	**49**
Điều 63	Kiểm toán.....	49
CHƯƠNG XVIII	**DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....**	**49**
Điều 64	Dấu của Doanh nghiệp.....	49
CHƯƠNG XIX	**CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VÀ THANH LÝ.....**	**49**
Điều 65	Chấm dứt hoạt động.....	49
Điều 66	Gia hạn hoạt động.....	50
Điều 67	Thanh lý.....	50
CHƯƠNG XX	**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....**	**50**
Điều 68	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	50
CHƯƠNG XXI	**BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....**	**51**
Điều 69	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	51
CHƯƠNG XXII	**NGÀY HIỆU LỰC.....**	**51**
Điều 70	Ngày hiệu lực.....	51
	Chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc...	**52**

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được sửa đổi theo Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ-VGS của ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua ngày 16/04/2022.

Theo quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT nếu đã thông qua một cách hợp lệ sẽ là những quy tắc, quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bản Điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty, nội dung gồm 22 chương và 70 điều dưới đây.

Chương I:

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1.1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.'

b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020".

c. "Ngày thành lập" là ngày 31/01/2007, tức ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

d. "Người điều hành doanh nghiệp" là TGĐ, Phó TGĐ, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn.

e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán hiện hành.

f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được ĐHĐCĐ thông qua bằng Nghị quyết.

g. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

h. "Công ty hoặc VG PIPE" là Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE

i. "Công ty con" là các Công ty mà VG PIPE nắm giữ quyền chi phối. Công ty con có thể là Công ty cổ phần; Công ty TNHH một thành viên; Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

j. "Công ty liên kết" là Công ty có cổ phần hoặc phần vốn góp dưới mức chi phối của VGPIPE, chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với VG PIPE theo tỷ lệ vốn góp hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đã ký kết với VG PIPE. Công ty liên kết được tổ chức dưới hình thức Công ty cổ phần hoặc Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

k. "Cổ phần, vốn góp chi phối" của VG PIPE tại doanh nghiệp khác là số cổ phần hoặc

mức vốn góp của VG PIPE chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

l. "Quyền chi phối" là quyền của VG PIPE đối với một số doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:

- Quyền là chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp đó;
- Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp;
- Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên HĐQT hoặc Hội đồng Thành viên; TGĐ; Giám đốc của doanh nghiệp.
- Các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa VG PIPE với doanh nghiệp bị chi phối và được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối.

m. "ĐHĐCĐ" là Đại hội đồng cổ đông.

n. "HĐQT" là Hội đồng quản trị.

o. "BKS" là Ban Kiểm soát

p. "TGĐ" là Tổng Giám đốc

q. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, TGĐ và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty"

r. "Luật chứng khoán" là Luật số: 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

s. "Cổ đông" là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.

t. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành được Quy định tại Điều 4 khoản 18 của Luật Chứng khoán.

1.2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

1.3. Các tiêu đề (Chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

1.4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Chương II:

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.

2.1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC VGPIPE**
- Tên tiếng Anh : **Vietnam Germany Steel Pipe Joint stock Company**

- Tên giao dịch : **Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE**
- Tên viết tắt : **VGPIPE**
- Logo Công ty :

2.2. Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2.3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ : KCN Bình Xuyên, T.T Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
- Điện thoại : 02113.887.863
- Fax : 02113.888.562
- E-mail : tvd@thepvietduc.com.vn
- Website : vgpipe.com.vn
- Văn phòng đại điện của Công ty

➢ Văn phòng đại diện tại Hà Nội:
Tầng 3, Tòa nhà SIMCO, số 28 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

➢ Văn phòng đại diện tại Miền Trung:
Quốc lộ 1A, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng.

➢ Văn phòng đại diện tại Miền Nam:
Ấp 3, Bến Lức, Long An

Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 62 và gia hạn hoạt động theo Điều 63 của Điều lệ này.

Điều 3: Người đại diện theo Pháp luật của Công ty

3.1. Công ty hiện có 01 người đại diện theo Pháp luật.

3.2. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

3.3. Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

4.1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:
Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

4.2. Ngành nghề kinh doanh của công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Đúc sắt, thép Chi tiết: - Sản xuất các loại ống thép, ống inox, - Sản xuất các sản phẩm từ thép, - Sản xuất két bạc, tủ sắt, két sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; - Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình); - Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho); - Kéo dây sắt, thép; - Dệt lưới thép, kim loại; - Sản xuất thép không gỉ, inox; - Dựng lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; - Luyện gang, thép	2431
2	Xây dựng nhà để ở	4101
3	Xây dựng nhà không để ở	4102
4	Xây dựng công trình đường sắt	4211
5	Xây dựng công trình đường bộ	4212
6	Xây dựng công trình điện	4221
7	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
8	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
9	Xây dựng công trình thủy	4291
10	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
11	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
12	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
13	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
14	Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn sắt, thép	4662

STT	Tên ngành	Mã ngành
	- Bán buôn kim loại khác	
15	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
16	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
17	Bốc xếp hàng hóa	5224
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ:	5225
19	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:	5229
20	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
21	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
22	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
23	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết:- Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất	6820
24	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
25	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại) (Đối với những ngành, nghề có điều kiện chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật).	8299

Khi cần thiết, ĐHĐCĐ Công ty quyết định việc thay đổi hay mở rộng các ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật.

4.3. Mục tiêu hoạt động của Công ty:
Mục tiêu của Công ty là tối đa hóa lợi nhuận, tích lũy đầu tư cho phát triển, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển của doanh nghiệp và đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

5.1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

5.2. Công ty có thể tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.

6.1. Vốn điều lệ của Công ty là: **484.279.210.000 VND** (Bốn trăm tám mươi bốn tỷ, hai trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm mười ngàn đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **48.427.921 cổ phần** (Bốn mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi bảy ngàn, chín trăm hai mươi mốt cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/cổ phần.

6.2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6.3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 của Điều lệ này.

6.4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6.5. Theo khoản 3 - điều 120 của luật Doanh nghiệp, tại thời điểm này các cổ đông sáng lập của Công ty không còn bị hạn chế chuyển nhượng như quy định tại Luật doanh nghiệp.

6.6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công ty quyết định, HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các cổ đông và đối tượng khác với điều kiện có thể không được thuận lợi bằng so với điều kiện đã thực hiện bán cho các cổ đông hiên hữu trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác hoặc được chào bán qua Sở giao dịch Chứng khoán.

6.7. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ và các văn bản pháp luật ban hành.

6.8. Công ty có thể dùng cổ phiếu của Công ty để phục vụ mục đích khen thưởng.

6.9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của Pháp luật và được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 7: Cổ phiếu và Sổ đăng ký cổ đông

7.1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

7.2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại

diện theo Pháp luật Công ty sẽ chịu thiệt hại do những sai sót đã gây ra.

7.3. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

7.4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng nhận cổ phiếu ghi danh, chứng nhận cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

7.5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

7.6. Tất cả mẫu cổ phiếu của Công ty sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Chủ tịch HĐQT/ Người đại điện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp các điều kiện và điều khoản phát hành quy định khác.

7.7. Sổ đăng ký cổ đông hoặc Danh sách người sở hữu chứng khoán của Công ty được đăng ký và lưu trữ tại Tổng Công ty lưu ký chứng khoán và bù trừ Việt Nam (VSD).

7.8. Trường hợp Cổ đông có bất kỳ thay đổi về nội dung Sổ đăng ký cổ đông, đối với Cổ đông chưa lưu ký phải có trách nhiệm thông báo tới Công ty và cổ đông đã lưu ký phải có trách nhiệm thông báo tới Công ty chứng khoán để Công ty tiến hành điều chỉnh kịp thời thông tin của Cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông hoặc Danh sách người sở hữu chứng khoán tại VSD.

Công ty không có trách nhiệm đối với trường hợp thông tin của Cổ đông không có, không đầy đủ, không chính xác khi liên lạc/ gửi thư, tài liệu liên quan khác. Trường hợp này, sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ; lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; gửi tài liệu cho cổ đông và hiệu lực của các Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 8. Chứng nhận chứng khoán khác

Chứng nhận trái phiếu hoặc các chứng nhận chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng nhận tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Chủ tịch HĐQT/ Người đại điện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

9.1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và khi pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định trong Điều lệ này chỉ trở thành cổ đông Công ty kể từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

HĐQT Công ty có toàn quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng đối với bất kỳ cổ phần nào chưa được thanh toán đầy đủ.

Trường hợp cổ phần cổ đông đã được lưu ký thì cá nhân và tổ chức tự liên hệ Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký để thực hiện các thủ tục nhận thừa kế cổ phần theo quy định của pháp luật.

9.3. Trường hợp, cổ đông là cá nhân bị chết, người, tổ chức hoặc những người thừa kế hoặc những người thừa kế tài sản hợp pháp của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, tuy nhiên quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

9.4. Việc chuyển nhượng cổ phần sẽ có hiệu lực ngay sau khi việc chuyển nhượng cổ phần được đăng ký trong Sổ đăng ký cổ đông/ Danh sách người sở hữu chứng khoán hoặc vào ngày thực hiện bút toán ghi sổ trên tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSD. Chỉ các cổ đông có tên trong Sổ đăng ký cổ đông/ Danh sách người sở hữu chứng khoán mới được coi là cổ đông hợp pháp của Công ty.

9.5. Tất cả các cổ phần niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Sở Giao dịch Chứng khoán.

Chương V
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

Chương VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

11.1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sàn khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

11.2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;

c. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình ngay sau khi có sự thay đổi;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

e. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

f. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 129.1 Luật doanh nghiệp;

j. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

11.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên ngoài các quyền tại khoản 11.2 Điều 11 Điều lệ này, Cổ đông còn có các quyền sau:

a. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập họp ĐHĐCĐ theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [10 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

c. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hành hoạt động của Công ty khi xem xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, số lượng cổ phần, vấn đề cần kiểm tra, mục đích cần kiểm tra và bao gồm các nội dung sau:
Đối với cổ đông là tổ chức gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ, giấy tờ pháp lý.
Đối với cổ đông là cá nhân gồm: họ và tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, giấy tờ pháp lý.

d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp.

11.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên ngoài các quyền tại khoản 11.2 và 11.3 Điều 11 Điều lệ này, còn có quyền đề cử người vào HĐQT, BKS, việc đề cử người vào HĐQT và BKS thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT và BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ.

d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

12.1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế quản lý nội bộ của công ty; Chấp hành Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.

12.2. Thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

12.3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký cổ phần.
12.4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
12.5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
a. Vi phạm pháp luật;
b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức cá nhân khác;
c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.
12.6. Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức sau:
a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại Đại hội;
b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của Công ty cho từng lần họp;
d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax và thư điện tử phù hợp với quy định của Công ty theo từng lần họp.
12.7. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao/gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
12.8. Cung cấp thông tin chính xác khi đăng ký mua cổ phần và thông báo đầy đủ, kịp thời khi có điều chỉnh về thông tin.
12.9. Nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

13.1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
13.2. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
13.3. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường.
13.4. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
13.5. HĐQT tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
13.6. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm (06 tháng) hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
c. Khi số thành viên của HĐQT, BKS ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên HĐQT, BKS bị giảm đi 1/3 so với số thành viên quy định trong Điều lệ này;
d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 11.3 và khoản 11.4 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bằng văn bản kiến nghị. Văn bản triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông liên quan).
e. Theo yêu cầu của BKS.
f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

13.7. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại Khoản 13.3.c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 13.3.d và 13.3.e Điều 13.
b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
c. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

   Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ.

   Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
d. Thủ tục để tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

14.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
b. Báo cáo của BKS về tình hình Công ty;
c. Báo cáo của HĐQT;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
e. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

14.2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

a. Thông qua định hướng phát triển hoạt động của Công ty;
b. Thông qua các Báo cáo Tài chính hàng năm;
c. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ.
d. Số lượng thành viên HĐQT; BKS.
e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT; BKS và phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm TGĐ.
f. Tổng số tiền thù lao của HĐQT; BKS và Báo cáo thù lao của HĐQT và BKS;
g. Lựa chọn Công ty kiểm toán;
h. Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ; Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS;
i. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội động quản trị hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty.
n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
p. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và quy chế khác của Công ty;

14.3. Công ty có quyền xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các vấn đề nêu tại khoản 14.1, khoản 14.2 Điều 14 Điều lệ này và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà không được viện dẫn tại Điều lệ này, bao gồm cả những vấn đề sau đây:

a. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
b. Thông qua định hướng phát triển Công ty;
c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT; BKS;
e. Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm;

f. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
g. Các trường hợp khác phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty

14.4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
a. Thông qua các Hợp đồng quy định tại khoản 14.2 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc cùa bất kỳ những người có liên quan tới cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

14.5. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 15. Triệu tập, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

15.1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ thường niên, hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 13.4 Điều 13.

15.2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:
a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.
b. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
c. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
d. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
e. Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
g. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
h. Các công việc khác phục vụ đại hội.

15.3. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp

cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;
c. Phiếu biểu quyết;
d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

15.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 11.3 và khoản 11.4 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất mười (10) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

15.5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] và [10%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 11.3 và 11.4 Điều 11 Điều lệ này;
c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

15.6. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

15.7. Trường hợp các cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại ĐHĐCĐ, những quyết định được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCĐ không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

16.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

16.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

16.3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

16.4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 15.3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người được ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi nhân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
b. Người được ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền
c. Người được ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;
d. Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại;

Điều 17. Thay đổi các quyền

17.1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lây ý kiến bằng văn bản.

17.2. Việc tổ chức cuộc họp như trên chỉ có gía trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc

loại đó.

17.3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

17.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

18.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết.

18.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

18.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai,. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

18.4. Theo đề nghị của Chủ tọa, ĐHĐCĐ mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 15.3 Điều 15 của Điều lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ

19.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

b. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

c. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.

d. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

e. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy

quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

19.2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi cố đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại điện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc bỏ phiếu hoặc bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết. Thành viên của Ban kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa đại hội để cử và được ĐHĐCĐ thông qua bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

19.3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

19.4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập.

b. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.

c. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng BKS điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

d. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

e. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

f. ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp

19.5. Quyết định của Chủ toa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

19.6. Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà

không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng:

a. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;
b. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp;
c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ;
d. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

19.7. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

19.8. Chủ toạ của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

19.9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 6 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

19.10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua

20.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại
b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty.
e. Tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản Công ty.

20.2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

20.3. Việc biểu quyết thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu

dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần từ phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên quy định tại điều lệ Công ty trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu với nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT và BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

20.4. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

21.1. HĐQT có quyền lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, điều 147 Luật Doanh nghiệp;

21.2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết theo địa chỉ cổ đông đã đăng ký chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này.

21.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
b. Mục đích lấy ý kiến;
c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty;

21.4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình

thức sau đây:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật hoặc ủy quyền của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến cổ đông gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai có quyền được mở trước khi kiểm phiếu.

b. Gửi Fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua Fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và tiết lộ trong trường hợp gửi Fax hoặc thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến mà không gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

21.5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ kỷ của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

g. Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

21.6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

21.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

21.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 22. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

22.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

22.2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

22.3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

22.4. Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

22.5. Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày Nghị quyết, Biên bản được thông qua.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường

hợp sau đây:

23.1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này;

23.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 24: Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

24.1. Nghị quyết ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

24.2. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đố vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

24.3. Trường hợp có cổ đông nhóm cổ đông yêu cầu tòa án hoặc trọng tài hủy bỏ nghị quyết ĐHĐCĐ theo quy định tại điều 151 của Luật doanh nghiệp, Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của tòa án trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của cơ quan thẩm quyền.

Chương VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hôi đồng quản trị:

25.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu

Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

Họ tên

Ngày tháng năm sinh

Trình độ chuyên môn

Quá trình công tác

Các chức danh quản lý khác bao gồm cả chức danh HĐQT công ty khác

Các thông tin khác nếu có theo quy định tại Điều lệ Công ty

Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên HĐQT nếu có

25.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

25.3. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 điều 115 Luật doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật.

25.4. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 khoản 2 điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

26.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 5 người và nhiều nhất là 11 người.

26.2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 5 năm; Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp kết thúc nhiệm kỳ, tất cả các thành viên HĐQT cùng hết hạn thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

26.3. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

26.4. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được thông báo theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

26.5. Cơ cấu Thành viên HĐQT cần đảm bảo người có kiến thức và kinh nghiệm về lĩnh lực hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; tài chính; pháp luật.

26.6. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

27.1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ.

27.2. HĐQT có trách nhiệm giám sát TGĐ và các cán bộ quản lý khác.
HĐQT có thể ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên Hội đồng quản trị hoặc TGĐ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

27.3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
c. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
f. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
g. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền;
h. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.
i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch HĐQT.
j. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức TGĐ hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
k. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của TGĐ và quyết định mức lương của họ;
l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
m. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
n. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty.
o. Thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, nhận cầm cố, thế chấp, nhận thế chấp, bảo lãnh, nhận bảo lãnh, giao dịch đảm bảo khác, bồi thường và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản trở lên được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
p. Quyết định mua lại hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần.
q. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT hoặc TGĐ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT.
r. Quy chế nội bộ về quản trị công ty được HĐQT xây dựng, trình ĐHĐCĐ thông qua.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

s. Thông qua chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp HĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ quyết định.

t. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên ĐHĐCĐ;

u. Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm TGĐ.

v. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ tại từng thời điểm.

27.4. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 135.2 và Điều 162.1, Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh);

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc Công ty vay vốn và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài, trừ việc tái cơ cấu nội bộ;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

27.6. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với TGĐ điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính theo điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho ĐHĐCĐ, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.

27.7. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản ký đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị:

28.1. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

28.2. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT phải được thể hiện trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

28.3. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

28.5. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

28.6. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

29.1. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch và các Phó chủ tịch.

29.2. Chủ tịch HĐQT công ty đại chúng không được kiêm Giám đốc hoặc TGĐ.

29.3. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;

b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;

c. Tổ chức việc thông qua quyết đinh của HĐQT;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.

e. Chủ tọa họp ĐHĐCĐ;

f. Ban hành các Quyết định, Quy chế tổ chức, quản lý, điều hành áp dụng đối với Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE và các Công ty con bao gồm nhưng không giới hạn: quy chế Ban Giám đốc, quy chế lao động tiền lương và các quy chế khác.

g. Ban hành các quy chế tổ chức, quản lý, điều hành áp dụng đối với Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE và các Công ty con bao gồm nhưng không giới hạn; Quy chế quản trị Công ty, quy chế Ban Giám đốc, quy chế lao động tiền lương và các quy chế khác.

h. Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi xét thấy cần thiết.
i. Ký ban hành các Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT.
j. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

29.3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm;

29.4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT [theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty]. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn hỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

30.1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bày (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

30.2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

30.3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:
a.Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập Hôi đồng quản trị.
b.Có đề nghị của Giám đốc (TGĐ) hoặc ít nhất 05 nười quản lý khác.
c.Có đề nghị của ít nhất của 02 thành viên HĐQT.
Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

30.4. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể

thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

30.5. Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

30.6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với các thành viên HĐQT.

30.7. Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

30.8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

30.9. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty

30.10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

30.11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

30.12. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

30.13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia Họp đều có thể nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp. Nếu muốn người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

30.14. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký tất cả của các thành viên HĐQT sau đây

a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp HĐQT số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp HĐQT

b. Nghị quyết lại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi văn bản đó có ít nhất một chữ ký của thành viên

Điều 31. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

31.1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó TGĐ, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

31.2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

32.1. HĐQT của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

32.2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

32.3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên BKS;

g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

Công ty có TGĐ, các Phó TGĐ, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm.

Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Điều 34. Người điều hành Công ty

34.1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

34.2. Theo đề nghị của TGĐ và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

34.3. TGĐ được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của TGĐ do HĐQT quyết định

34.4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.

35.1. HĐQT bổ nhiệm 01 thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm TGĐ.

35.2. TGĐ là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

35.3. Nhiệm kỳ của TGĐ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. TGĐ phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

35.4. TGĐ có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của TGĐ;
g. Tuyển dụng lao động;
h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
i. Đề xuất các giải pháp nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tại Công ty.
j. Chuẩn bị các dự toán hàng tháng, hàng năm và dài hạn phục vụ kế hoạch kinh của Công ty.
k. Quyết định các hợp đồng mua, bán, cho vay, cầm cố, nhận cầm cố, thế chấp, nhận thế chấp, bảo lãnh, nhận bảo lãnh, bồi thường và hợp đồng, giao dịch khác của Công ty có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT.
l. Được ủy quyền cho cấp giới và người khác thực hiện một số công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và HĐQT về việc ủy quyền đó.
m. Quyết định các chế độ khen thưởng, kỷ luật, phúc lợi và các chế độ khác áp dụng chung cho Công ty.
n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của HĐQT

35.5. TGĐ phải điều hành hoạt động của Công ty hàng ngày theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, hợp đồng và các Nghị quyết của HĐQT. Trường hợp trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì TGĐ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

35.6. HĐQT có thể miễn nhiệm TGĐ khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm TGĐ mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

36.1. HĐQT sẽ chỉ định một hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định Pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hai nhiều trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Tổ chức các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo lệnh của Chủ tịch HĐQT hoặc BKS;
b. Làm biên bản các cuộc họp;
c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác

cho thành viên của HĐQT và BKS.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

36.2. HĐQT sẽ chỉ định ít nhất 01 người làm Người phụ trách quản trị công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm Thư ký công ty. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Người quản trị công ty bao gồm các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này và các nhiệm sau:

a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
b. Tham dự các cuộc họp;
c. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
d. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

Chương IX

QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ CÁC CÔNG TY KHÁC TRONG CÙNG CÔNG TY

Điều 37: Quản lý điều hành thông qua các hình thức đầu tư, liên kết, giao dịch và trao đổi thông tin

Các doanh nghiệp thành viên trong Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE có thể sử dụng các hình thức sau đây để liên kết với nhau:

37.1. Đầu tư, mua bán sản phẩm, dịch vụ; hỗ trợ về công nghệ, phát triển thương hiệu giữa các thành viên với nhau.

37.2. Thỏa thuận về cơ chế tín dụng nội bộ Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE cũngnhư cơ chế bảo lãnh tín dụng theo quy định của pháp luật.

37.3. Tổ chức các cuộc hội nghị hoặc các cuộc họp tham vấn:

a. Giữa người quản lý, điều hành Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE với Ban giám đốc các Công ty thành viên, người đại diện phần vốn tại các Công ty thành viên để định hướng, điều hòa, phối hợp các hoạt động.
b. Giữa các bộ phận chức năng của Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE và của các Công ty thành viên để triển khai các vấn đề chuyên môn.

37.4. Điều chuyển cán bộ công nhân viên giữa các Công ty thành viên trong Công ty cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE để phục vụ cho các hoạt động chung của Công ty.

Điều 38: Vốn do Công ty đầu tư vào các Doanh nghiệp khác

Vốn do Công ty đầu tư vào các Doanh nghiệp khác là các loại vốn sau đây:

38.1. Vốn bằng tiền, giá trị Quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, giá trị tài sản hữu hình và vô hình thuộc sở hữu của Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE hoặc được Công ty Cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE đầu tư và góp vốn vào Doanh nghiệp khác.

38.2. Vốn do Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE vay để đầu tư;

38.3. Lợi nhuận được chia do Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE đầu tư, góp vốn vào Doanh nghiệp khác dùng để tái đầu tư vào doanh nghiệp đó.

38.4. Các loại vốn khác.

Điều 39: Quyền và nghĩa vụ của Công ty trong việc quản lý vốn đầu tư vào các Doanh nghiệp khác

39.1. HĐQT, Chủ tịch HĐQT và TGĐ Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE thực hiện các quyền và nghĩa vụ: của đồng sở hữu nắm cổ phần, vốn góp chi phối đối với các Công ty con; của đồng sở hữu không nắm cổ phần, vốn góp chi phối đối với Công ty liên kết phù hợp với các quy định của Pháp luật và quy định của Điều lệ TGĐ Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE.

39.2. Quyền và nghĩa vụ của Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE trong quản lý vốn đầu tư ở các Doanh nghiệp khác do HĐQT; Chủ tịch HĐQT Công ty thực hiện bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau đây:

a. HĐQT quyết định đầu tư, góp vốn; tăng, giảm vốn đầu tư, chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng vốn góp theo quy định của Pháp luật có liên quan và Điều lệ Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE.

b. Chủ tịch HĐQT quyết định:

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, kiểm soát viên, Ban giám đốc các Công ty con do Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE nắm cổ phần, vốn góp chi phối; thay đổi, bãi miễn người đại diện theo ủy quyền, đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE; Giới thiệu người đại diện ứng cử vào HĐQT, BKS phù hợp với Điều lệ của Công ty con và Pháp luật liên quan;
- Quyết định mức lương, chế độ khen thưởng, kỷ luật đối với Ban Giám đốc, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE tham gia HĐQT của các Công ty con.
- Quyết định mức lương, phụ cấp, thưởng và các lợi ích khác đối với người đại diện phần vốn góp, trừ trường hợp những người đó đã được hưởng lương từ doanh nghiệp có phần vốn góp của Công ty cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE theo quy định của Pháp luật.
- Các nội dung khác.

Chương X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên HĐQT, TGĐ và Người điều hành

Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, TGĐ và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

41.1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

41.2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

41.3. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

41.4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

41.5. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

41.6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, người điều hành khác đã được báo cáo HĐQT và được HĐQT thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được ĐHĐCĐ thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Giao dịch giữa Công ty mẹ với người có liên quan, cổ đông, người quản lý và người có liên quan của các đối tượng này.

42.1. Công ty không được cung cấp các khoản vay và bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

42.2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và Tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các Công ty mẹ - con, liên kết và giao dịch này phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty.

42.3. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được ĐHĐCĐ thông qua:

a. Cấp cá khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, người quản lý khác không phải là cổ đông và những các nhân, tổ chức có liên quan của các đối tường này.

Trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, người quản lý khác mà Công ty có quan hệ và Công ty mẹ - con, liên kết ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty.

b. Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty và một số đối tượng sau:

- Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này.
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền cảu cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan của họ.
- Doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGĐ và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

c. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

42.4. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau:

a. Các khoản vay hoặc bảo lãnh quy định tại điểm a khoản 3 Điều này mà không thuộc

thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

b. Hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm b khoản 3 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty.

c. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có giá trị bằng hoặc dưới 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

43.1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

43.2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

43.3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 44. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc

44.1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên HĐQT, TGĐ để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

a. Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp.

b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT đối với quyền và nghĩa vụ được giao.

c. Lạm dụng chức vụ, địa vị và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

44.2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của Pháp luật về tố tụng dân sự, Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty được tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

44.3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Chương XI

BAN KIỂM SOÁT

Điều 45. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

45.1. Việc ứng cử, đề cử thành viên BKS được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

45.2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Thành viên Ban Kiểm soát

46.1. Số lượng thành viên BKS của Công ty là 03 người đến 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

46.2. Trường hợp kiểm soát viên cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà kiểm sóat viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

46.3. Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

46.4. Thành viên BKS bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

46.5. Thành viên BKS bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 47. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

47.1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên.

47.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, công ty và lợi ích hợp pháp của các bên tại công ty.

47.3. Trung thành với lợi ích của Nhà nước và công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

47.4. Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho công ty thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho công ty mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

47.5. Báo cáo kịp thời cho cơ quan đại diện chủ sở hữu, đồng thời yêu cầu Kiểm soát viên chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp phát hiện Kiểm soát viên đó vi phạm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm được giao.

47.6. Báo cáo kịp thời cho cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty, Kiểm soát viên khác và cá nhân có liên quan, đồng thời yêu cầu cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp sau đây:

a. Phát hiện có thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc TGĐ và người quản lý khác làm trái quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái quy định đó;

b. Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái quy định Điều lệ công ty hoặc quy chế quản trị nội bộ công ty.

47.7. Trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

Điều 48. Trưởng Ban Kiểm soát

48.1. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

48.2. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

48.3. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

48.4. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS:

a. Triệu tập cuộc họp BKS;

b. Yêu cầu HĐQT, TGĐ và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;

c. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

Điều 49. Quyền và nghĩa vụ Ban Kiểm soát

BKS có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

49.1. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

49.2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

49.3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, TGĐ, người quản lý khác.

49.4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, TGĐ và cổ đông.

49.5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, TGĐ và người điều hành khác của doanh nghiệp, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

49.6. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua.

49.7. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

49.8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

49.9. Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, TGĐ và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

49.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 50. Cuộc họp Ban Kiểm soát

50.1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên BKS. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.

50.2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGĐ và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ..

Điều 51. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên BKS được thực hiện theo quy định sau đây:

51.1. Thành viên BKS được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.

51.3. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng

ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

51.4. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương XII

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 52. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

52.1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

52.2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGĐ và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

52.3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại tiội đồng cổ đông và HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

52.4. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

52.5. Điều lệ Công ty phải được công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty và các Cơ quan quản lý khác theo đúng quy định của Pháp luật.

Chương XIII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 53. Công nhân viên và công đoàn.

53.1. TGĐ phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động

53.2. TGĐ phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIV

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 54. Phân phối lợi nhuận

54.1. Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại ĐHĐCĐ.

54.2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

54.3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

54.4. HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này.

54.5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh chuyển tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra các khoản trả tiền cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng chuyển khoản qua Ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về Ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản Ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoánn có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

54.6. Trường hợp có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ, HĐQT có thể quyết định và thông báo

rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương số tiền trả cổ tức.

54.7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Điều 55: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Chương XV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 56. Tài khoản ngân hàng

56.1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một hay nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

56.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

56.3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản và tiền mặt có tại Công ty.

Điều 57. Trích lập quỹ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình: (i) một khoản nộp vào Quỹ dự phòng tài chính, khoản này không được vượt quá (5%) lợi nhuận sau thuế Công ty và sẽ chỉ được tiếp tục trích nộp cho đến khi Quỹ dự phòng tài chính bằng 10% vốn Điều lệ của Công ty; (ii) 15% để lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi. Tỷ lệ (%) trích lập các quỹ có thể thay đổi theo kiến nghị của HĐQT và được ĐHĐCĐ phê chuẩn.

Điều 58. Năm tài chính

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày mùng một (01) của tháng một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày ba mươi mốt (31) của tháng mười hai (12) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là ngày 01/02/2007 và kết thúc vào ngày 31/12/2007.

Điều 59. Hệ thống kế toán

59.1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

59.2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

59.3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương XVI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 60. Báo cáo hàng năm, bán niên và hàng quý

60.1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

60.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

60.3. Công ty phải lập các báo cáo bán niên soát xét và hàng quý theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho UBCKNN và Sở Giao dịch Chứng khoán.

60.4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo bán niên và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 61. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 62. Công bố thông tin

62.1. Công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của Pháp luật về kế toán và các quy định liên quan khác.

62.2. Công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử sau đây:

a. Điều lệ Công ty.

b. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGĐ.

c. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo tài chính bán niên soát xét, báo cáo tài chính quý.
d. Báo cáo đính giá kết quả hoạt động hàng năm của HĐQT và BKS.
e. Các thông tin thay đổi, phát sinh liên quan đến hoạt động của Công ty theo đúng quy định của Pháp Luật và các quy định liên quan khác.

Chương XVII

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 63. Kiểm toán

63.1. ĐHĐCĐ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT.
63.2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
63.3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVIII

DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 64. Dấu của Doanh nghệp

64.1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
64.2. HĐQT quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
64.3. HĐQT, TGĐ sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XIX:

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 65. Chấm dứt hoạt động

Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
d. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

e. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.
f. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

Điều 66. Gia hạn hoạt động

66.1. HĐQT sẽ triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của HĐQT.

66.2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 67. Thanh lý

67.1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

67.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

67.3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
a. Các chi phí thanh lý;
b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên, trợ cấp thôi việc và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
c. Nợ thuế;
d. Các khoản vay (nếu có);
e. Các khoản nợ khác của Công ty;
f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Chương XX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 68. Giải quyết tranh chấp nội bộ

68.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công

ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a. Cổ đông với Công ty; hoặc

b. Cổ đông với HĐQT, BKS, TGĐ điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp. Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Chủ tịch HĐQT chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

68.2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (6) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp ra Trọng tài kinh tế/Toà án kinh tế.

68.3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XXI

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 69. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

69.1. Mọi sự bổ sung hay sửa đổi bản Điều lệ này phải được ĐHCĐ xem xét quyết định.

69.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty .

Chương XXII

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 70. Ngày hiệu lực

70.1. Bản điều lệ này gồm XXII chương 70 điều, được ĐHĐCĐ Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE nhất trí thông qua ngày 16 tháng 04 năm 2022 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. Điều lệ này thay thế cho Bản điều lệ của Công ty cổ phần ống thép Việt Đức VG PIPE được ĐHĐCĐ thông qua ngày 16 tháng 04 năm 2022.

70.2. Điều lệ được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

70.3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

70.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng giám đốc hoặc người được Tổng giám đốc ủy quyền mới có giá trị.

70.5. Không hạn chế bởi quy định này Chủ tịch HĐQT hoặc TGĐ hoặc người được TGĐ ủy quyền có quyền cấp sao y bản chính hoặc trích lục một phần từ bản chính của Điều lệ này để cung cấp cho cổ đông, các đối tác hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY TỔNG GIÁM ĐỐC	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHỦ TỊCH
NGUYỄN HỮU THẾ	LÊ MINH HẢI